



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM
Kon Tum Community College

Mã
trường

CẨM NANG

CDD3601

TUYỂN SINH NĂM 2021



Lời chào mừng của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum



**Hiệu trưởng
TS BS Lê Trí Khải**

Kính chào quý vị!

Thay mặt Ban lãnh đạo nhà trường, tôi gửi lời chào trân trọng tới toàn thể quý vị đến với Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum. Như quý vị đã biết, Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum được thành lập trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon

Tum và Trường Trung cấp Nghề Kon Tum, chính thức đi vào hoạt động từ năm 2018.

Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum là Trường công lập, có nhiệm vụ đào tạo theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc UBND tỉnh Kon Tum, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng và quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

Trong những năm qua, nhà trường luôn nỗ lực đổi mới công tác quản lý, chất lượng giáo dục, không ngừng hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, đội ngũ nhà giáo chuyên nghiệp, tận tụy. Chúng tôi hy vọng, nhà trường sẽ đào tạo nhiều thế hệ học sinh, sinh viên có trình độ và kỹ năng nghề cao, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Với những định hướng và quyết tâm trên, chúng tôi rất mong được sự đồng hành cùng quý vị và chào đón các thế hệ học sinh, sinh viên mới đến với Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum. Hy vọng rằng chúng tôi sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ tích cực của quý phụ huynh và các em học sinh, sinh viên cho sự phát triển sắp tới của nhà trường.

Trân trọng!

TS BS Lê Trí Khải

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| A. GIỚI THIỆU: | 1 |
| B. CÁC NGÀNH/NGHỀ TUYỂN SINH | 3 |
| I. Nhóm ngành đào tạo giáo viên - trình độ cao đẳng | 3 |
| II. Các ngành/nghề Giáo dục nghề nghiệp - trình độ cao đẳng | 3 |
| III. Các ngành/nghề Giáo dục nghề nghiệp - trình độ trung cấp..... | 4 |
| IV. Các ngành/nghề Giáo dục nghề nghiệp - trình độ sơ cấp | 4 |
| V. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN..... | 6 |
| VI. TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC | 8 |
| C. THÔNG TIN HỌC PHÍ, CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ | 10 |
| I. Học phí..... | 10 |
| II. Chính sách nội trú..... | 11 |
| III. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập..... | 12 |
| IV. Chế độ trợ cấp xã hội | 12 |
| V. Chính sách học bổng khuyến khích học tập..... | 12 |
| VI. Chính sách tín dụng học sinh, sinh viên | 13 |
| D. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI QUY ĐỊNH TUYỂN SINH NĂM 2021..... | 14 |
| E. THÔNG TIN CỤ THỂ VỀ NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP | 20 |
| F. THÔNG TIN TUYỂN DỤNG VÀ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM: | 25 |
| G. PHỐI HỢP ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC | 25 |

A. GIỚI THIỆU

- ✓ Tên trường: **Trường Cao đẳng Cộng Đồng Kon Tum**
- ✓ Tên tiếng Anh: ***KonTum Community College***
- ✓ Mã trường:
- Nhóm ngành đào tạo giáo viên: **C36**
- Nhóm ngành Giáo dục nghề nghiệp: **CDD3601**
 - ✓ Loại trường: **Công lập**
 - ✓ Hệ đào tạo: **Cao đẳng - Trung cấp - Sơ cấp - Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên.**
- ✓ **Địa chỉ:**
 - Trụ sở chính: 14 Ngụy Như Kon Tum - Tổ 3 - P. Ngô Mây - TP. Kon Tum - tỉnh Kon Tum
 - Khoa Nông – Lâm – Thủy sản và Khu thực nghiệm: Tổ 10 – P. Duy Tân - TP. Kon Tum - tỉnh Kon Tum
 - Khoa Y – Dược: Số 347, Bà Triệu - P. Quyết Thắng - TP. Kon Tum - tỉnh Kon Tum
 - Khoa Kỹ thuật – Công nghệ và các Trung tâm: Đường Đặng Tất - Tổ 4 - P. Nguyễn Trãi, TP. Kon Tum
- ✚ Website Trường: ktcc.edu.vn - Website tuyển sinh: tuyensinh.ktcc.edu.vn
- ✚ Email: tuyensinh@ktcc.edu.vn
- ✚ Fanpage/Zalo/Lotus: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum
- ✚ Điện thoại: 0260.3864929 - **Hotline: 0846864929**

★ SỨ MỆNH

Đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa nghề, đa cấp độ; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung ứng dịch vụ, hợp tác quốc tế,... gắn đào tạo với phát triển nhân lực, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển tỉnh Kon Tum, các tỉnh trong nước và vùng tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV).

★ TÂM NHÌN

Xây dựng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum trở thành cơ sở Giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn chất lượng cao vào năm 2025, có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và có nhiều nghề đào tạo trọng điểm đạt chất lượng khu vực ASEAN; phấn đấu trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp độ vào năm 2045.

★ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Cam kết về chất lượng và uy tín.

2. Nhân văn, tận tâm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
3. Chuyên nghiệp, minh bạch.
4. Luôn đổi mới, sáng tạo, hiệu quả.
5. Phát triển bền vững.

★ MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG

1. Bảo đảm chất lượng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.
2. Thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ viên chức, giảng viên có đủ trình độ, phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quản lý và giảng dạy.
3. Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo đảm bảo đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định; đẩy mạnh phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của xã hội.
4. Tăng cường triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thông tin, ... phục vụ quản lý và dạy học.
5. Xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường theo hướng hiện đại, đa năng, đạt chuẩn quốc gia và khu vực để đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo.
6. Bảo đảm người học sau khi tốt nghiệp có ý thức nghề nghiệp cao, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tốt để sẵn sàng làm việc và hội nhập.
7. Mở rộng và tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tạo cơ hội việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.
8. Chuẩn hóa đầu ra, được kiểm định và công nhận chất lượng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

★ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

Kỷ cương, trách nhiệm, chuyên nghiệp, sáng tạo, chất lượng, hiệu quả./.

B. NGÀNH/NGHỀ TUYỂN SINH

I. Trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục Mầm non (theo Đề án tuyển sinh riêng của nhà trường và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt)

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Mã ngành | Tổ hợp môn xét tuyển |
|----|---------------------|----------|--|
| 1. | Giáo dục Mầm non | 51140201 | Ngữ văn, Toán, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc, Kể diễn cảm, Hát) (M06) Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc, Kể diễn cảm, Hát) (M07) |

II. Các ngành/nghề Giáo dục nghề nghiệp - trình độ cao đẳng (theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp)

| TT | Tên ngành/nghề đào tạo | Mã ngành | Tổ hợp môn xét tuyển |
|-----|-------------------------------------|----------|---|
| 1. | Kế toán | 6340301 | Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) |
| 2. | Lâm sinh | 6620202 | Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Sinh học, Hóa học (B00) |
| 3. | Chăn nuôi | 6620119 | Toán, Sinh học, Địa lý (B02) Toán, Sinh học, Ngữ văn (B03) |
| 4. | Dịch vụ pháp lý | 6380201 | Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15) |
| 5. | Tiếng Anh du lịch | 6220217 | Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) Toán, Lịch sử, Tiếng Anh (D09) Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15) |
| 6. | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 6480102 | Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) |
| 7. | Công tác xã hội | 6760101 | Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) |
| 8. | Quản trị văn phòng | 6340403 | Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15) |
| 9. | Công nghệ ô tô | 6510216 | Toán, Vật lý, Hóa học (A00) |
| 10. | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 6510303 | Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) |

| TT | Tên ngành/nghề đào tạo | Mã ngành | Tổ hợp môn xét tuyển |
|-----|-------------------------|----------|-----------------------|
| 11. | Chế tạo thiết bị cơ khí | 6520104 | Toán, Hóa, Sinh (B00) |
| 12. | Điều dưỡng | 6720301 | |
| 13. | Dược | 6720201 | |

III. Các ngành/nghề Giáo dục nghề nghiệp - trình độ trung cấp

| TT | Tên ngành/nghề đào tạo | Mã ngành | Tổ hợp môn xét tuyển |
|-----|---------------------------------------|----------|---|
| 1. | Kế toán doanh nghiệp | 5340302 | Toán, Văn lớp 9 (hoặc lớp 12) Toán, Lý lớp 9 (hoặc lớp 12) |
| 2. | Lâm sinh | 5620202 | Toán, Sinh lớp 9 (hoặc lớp 12) |
| 3. | Trồng trọt | 5620110 | |
| 4. | Chăn nuôi - Thú y | 5620120 | |
| 5. | Pháp luật | 5380101 | Toán, Lý lớp 9 (hoặc lớp 12) Toán, Văn lớp 9 (hoặc lớp 12) |
| 6. | Hành chính văn phòng | 5320305 | Toán, Văn lớp 9 (hoặc lớp 12) |
| 7. | Công nghệ ô tô | 5510216 | Toán, Lý lớp 9 (hoặc lớp 12) Toán, Văn lớp 9 (hoặc lớp 12) |
| 8. | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 5510303 | |
| 9. | Chế tạo thiết bị cơ khí | 5520104 | |
| 10. | Điện công nghiệp | 5520227 | |
| 11. | Vận hành điện trong nhà máy thủy điện | 5520251 | |
| 12. | Cắt gọt kim loại | 5520121 | |
| 13. | Hàn | 5520123 | |
| 14. | May thời trang | 5540205 | |

*** Điểm mới:** Học sinh tốt nghiệp THCS đăng ký học trình độ Trung cấp có nguyện vọng học liên thông lên trình độ cao hơn (Cao đẳng, Đại học,...) thì phải học thêm chương trình văn hóa với khối lượng kiến thức học phần văn hóa phổ thông là: 1020 tiết (theo Thông tư số 16/2010/TT-BGDĐT ngày 28/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp).

IV. Các ngành/nghề Giáo dục nghề nghiệp - trình độ sơ cấp

| TT | Tên ngành/ngành đào tạo | Hình thức tuyển sinh |
|-----------|--------------------------------|-----------------------------|
| 1. | Nhân viên y tế thôn, làng | Xét tuyển |
| 2. | Cô đỡ thôn bản | Xét tuyển |
| 3. | Hàn điện | Xét tuyển |
| 4. | Vận hành máy xúc | Xét tuyển |
| 5. | Nề hoàn thiện | Xét tuyển |
| 6. | Kỹ thuật chế biến món ăn | Xét tuyển |
| 7. | Lái xe ô tô hạng B2 | Xét tuyển |
| 8. | Lái xe ô tô hạng C | Xét tuyển |
| 9. | Tiếng Hàn Quốc | Xét tuyển |

*** THÔNG TIN CHUNG**

1. Thời gian tuyển sinh:

- Ngành Giáo dục Mầm non: Tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các ngành Giáo dục nghề nghiệp: Tuyển sinh liên tục trong năm (đến ngày 31/12/2021).

2. Đối tượng tuyển sinh:

- Ngành Giáo dục Mầm non: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2021.

+ Xét học bạ lớp 12 có học lực xếp loại Khá trở lên **hoặc** điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

- Nhóm ngành Giáo dục nghề nghiệp: Xét tuyển.

+ Trình độ Cao đẳng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Trình độ Trung cấp: Tốt nghiệp THCS trở lên.

+ Trình độ Sơ cấp: Người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

3. Thời gian đào tạo:

- Trình độ Cao đẳng: **Từ 2 đến 3 năm.**

- Trình độ Trung cấp: **Từ 1 năm đến 2 năm** (Đối với học sinh tốt nghiệp THCS có nguyện vọng học liên thông lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp

Trung cấp thì phải học thêm chương trình văn hóa là 01 năm)

- Trình độ Sơ cấp: **Từ 3 - 6 tháng.**

4. Chế độ chính sách đối với hệ đào tạo chính quy

- Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

- Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

- Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.

- Chế độ học bổng:

+ Khuyến khích học tập: **2 triệu đồng/học kỳ.**

+ Hessen CHLB Đức: **3.5 triệu đồng/học kỳ.**

+ ADB: **3 triệu đồng/học kỳ.**

- Ngoài ra, nhà trường còn liên kết với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thực tập, nâng cao tay nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

V. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYỀN

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Ghi chú |
|-----------|--|----------------|
| A | Các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn | |
| 1. | Trồng, chăm sóc cà phê vối | |
| 2. | Trồng, chăm sóc cà phê catimor | |
| 3. | Thu hoạch và bảo quản cà phê | |
| 4. | Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò | |
| 5. | Cạo mủ cao su | |
| 6. | Trồng lúa nước | |
| 7. | Dệt thổ cẩm | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Ghi |
|-----------|---|------------|
| 8. | Dịch vụ nhà hàng | |
| 9. | Lái xe hạng A1 | |
| 10. | Huấn luyện ATLĐ&VSLĐ | |
| 11. | Vận hành điện trong nhà máy thủy điện | |
| 12. | Hàn điện | |
| 13. | May công nghiệp | |
| 14. | Dịch vụ nhà hàng khách sạn | |
| 15. | Kỹ thuật bóng đá | |
| 16. | Kỹ thuật cầu lông | |
| 17. | Kỹ năng thuyết trình và tổ chức sự kiện | |
| 18. | Kỹ năng viết chữ đẹp, kể chuyện và đọc diễn cảm cho trẻ | |
| 19. | Kỹ năng tự vệ, sơ cứu và thoát hiểm trong các tình huống khẩn cấp | |
| 20. | Kỹ năng tổ chức và điều khiển các trận đấu (cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá) | |
| 21. | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh | |
| 22. | Kỹ năng bơi lội và phòng chống đuối nước cho trẻ | |
| 23. | Kỹ năng sử dụng phương pháp dạy học tích cực | |
| 24. | Trang điểm thẩm mỹ | |
| 25. | Trang trí mỹ thuật (Cắm hoa tươi) | |
| B | Các lớp đào tạo Quỹ Thiện Tâm của Tập đoàn VinGroup | |
| 1. | Cô đỡ thôn bản nâng cao 1 | |
| 2. | Cô đỡ thôn bản nâng cao 2 | |
| C | Các lớp đào tạo theo dự án HPET | |
| 1. | Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý Y học gia đình cho Dược sỹ | |
| 2. | Chăm sóc sức khỏe sinh sản theo nguyên lý Y học gia đình | |
| D | Các lớp bồi dưỡng | |
| 1. | Bồi dưỡng CBQL giáo dục và GV quy hoạch | |
| 2. | Chứng chỉ tiếng Bahnar | |
| 3. | Chứng chỉ tiếng Lào | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Ghi |
|----|--|-----|
| 4. | Các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp thuộc khối ngành Sư phạm | |
| 5. | Các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp thuộc khối ngành Y tế | |

Ngoài ra, nhà trường đào tạo các lớp thường xuyên khác theo nhu cầu của xã hội.

VI. TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG

| TT | Ngành, nghề liên kết đào tạo | Hình thức tuyển sinh |
|-----|---------------------------------------|------------------------------|
| 1. | Quản trị nhân lực | Xét tuyển |
| 2. | Luật học | Xét tuyển |
| 3. | Quản lý văn hóa | Xét tuyển |
| 4. | Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam | Xét tuyển |
| 5. | Kinh doanh xuất bản phẩm | Xét tuyển |
| 6. | Bảo tàng học | Xét tuyển |
| 7. | Văn hóa học | Xét tuyển |
| 8. | Việt Nam học | Xét tuyển |
| 9. | Công tác xã hội | Xét tuyển |
| 10. | Lưu trữ học – Quản trị văn phòng | Xét tuyển |
| 11. | Đô thị học | Xét tuyển |
| 12. | Thông tin học | Xét tuyển |
| 13. | Báo chí | Xét tuyển |
| 14. | Công nghệ sinh học | Xét tuyển |
| 15. | Công nghệ sau thu hoạch | Xét tuyển |
| 16. | Khoa học môi trường | Xét tuyển |
| 17. | Nông học | Xét tuyển |
| 18. | Lâm sinh | Xét tuyển |
| 19. | Quản lý đất đai | Xét tuyển |
| 20. | Khoa học cây trồng | Xét tuyển |
| 21. | Kỹ thuật cấp thoát nước | Xét tuyển |
| 22. | Kỹ thuật môi trường | Xét tuyển |
| 23. | Kỹ thuật xây dựng công trình giao | Xét tuyển |
| 24. | Nông nghiệp công nghệ cao | Xét tuyển |
| 25. | Công nghệ thực phẩm | Xét tuyển |
| 26. | Nuôi trồng thủy sản | Xét tuyển |
| 27. | Kế toán | Xét tuyển |
| 28. | Giáo dục Mầm non | Xét tuyển |
| 29. | Giáo dục Tiểu học | Xét tuyển |
| 30. | Sư phạm Âm nhạc | Thi tuyển, kết hợp xét tuyển |
| 31. | Sư phạm Mỹ thuật | Thi tuyển, kết hợp xét tuyển |
| 32. | Sư phạm Toán học | Xét tuyển |

| TT | Ngành, nghề liên kết đào tạo | Hình thức tuyển sinh |
|-----------|---|-----------------------------|
| 33. | Sư phạm Sinh học | Xét tuyển |
| 34. | Sư phạm tiếng Anh | Xét tuyển |
| 35. | Sư phạm Ngữ văn | Xét tuyển |
| 36. | Sư phạm Địa lý | Xét tuyển |
| 37. | Giáo dục thể chất | Xét tuyển |
| 38. | Sư phạm Hóa học | Xét tuyển |
| 39. | Sư phạm Vật lý | Xét tuyển |
| 40. | Công tác xã hội | Xét tuyển |
| 41. | Sư phạm Kỹ thuật Công nghệ | Xét tuyển |
| 42. | Sư phạm Sử học | Xét tuyển |
| 43. | Sư phạm Tin học | Xét tuyển |
| 44. | Công nghệ thông tin | Xét tuyển |
| 45. | Xây dựng | Xét tuyển |
| 46. | Y tế công cộng | Xét tuyển |
| 47. | Điều dưỡng (Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng) | Xét tuyển |

*** THÔNG TIN CHUNG:**

1. Thời gian tuyển sinh: Xét tuyển liên tục trong năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Học viên có bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng đúng chuyên ngành hoặc gần với ngành đăng ký học liên thông trở lên theo quy định.

3. Thời gian đào tạo: Học viên học vào cuối tuần, ngoài giờ hành chính; Học viên các lớp Sư phạm học vào thời gian nghỉ hè trong năm.

- Liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng là 1,5 năm
- Liên thông từ Trung cấp lên Đại học là 2,5 năm
- Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học là 1,5 năm

4. Học phí: Theo nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 (tùy thuộc vào số lượng sinh viên và mức thu của các trường liên kết).

5. Hồ sơ tuyển sinh gồm:

- Phiếu đăng ký tuyển sinh theo mẫu của Trường.
- Hai phong bì có dán tem thư của Bưu điện và ghi rõ địa chỉ liên lạc vào mục người nhận.
- Hai (02) ảnh cỡ 4x6 có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh ở mặt sau (một ảnh dán trên phiếu đăng ký tuyển sinh, một ảnh nộp cho

Trường);

- Bản sao bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT. Đối với những trường hợp tốt nghiệp THCS, THPT chưa được cấp bằng thì phải có bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời;

- Bản sao học bạ THCS (đối với học sinh tốt nghiệp THCS) hoặc THPT (đối với học sinh tốt nghiệp THPT);

- Bản sao giấy khai sinh;

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

* **Ghi chú:** Khi hoàn thiện hồ sơ nhập học, thí sinh phải nộp các loại giấy tờ liên quan nếu bản sao thì phải có công chứng (thời gian không quá 6 tháng).

C. THÔNG TIN HỌC PHÍ, CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ (đối với người học cao đẳng, trung cấp hệ chính quy)

I. Học phí

1. Mức học phí (Thực hiện theo Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/HSSV/tháng

| NHÓM NGÀNH, NGHỀ | TRUNG CẤP | CAO ĐẲNG |
|---|-----------|----------|
| 1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản | 425 | 485 |
| 2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch | 490 | 560 |
| 3. Y dược | 580 | 650 |

2. Chính sách học phí

a) Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy: Được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học. Người được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt sau 02 năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước đã hỗ trợ. Thời gian hoàn trả tối đa bằng thời gian đào tạo (quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 86 Luật Giáo dục ngày 14/6/2019).

b) Đối tượng được miễn học phí:

- Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30/7/2012 của Văn phòng Quốc hội.

- Học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất.

- Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên);

- Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (vùng có điều kiện KT-XH ĐBKK được thực hiện theo Quyết định số 582/2017/QĐ-TTg);

Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp

c) Đối tượng được giảm học phí:

- Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

+ Học sinh, sinh viên các chuyên ngành một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp (*hiện nay có 02 nghề thuộc danh mục nặng nhọc: HÀN và VẬN HÀNH MÁY THI CÔNG NỀN*);

+ Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (vùng có điều kiện KT-XH ĐBKK được thực hiện theo Quyết định số 582/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020);

- Các đối tượng được giảm 50% học phí: Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

II. Chính sách nội trú

1. Đối tượng

- Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo N1 (N1: về thu nhập), người khuyết tật;

- Người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

2. Mức học bổng chính sách

- 100% mức tiền lương cơ sở/tháng đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật;

- 80% mức tiền lương cơ sở /tháng đối với học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú; học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

- 60% mức tiền lương cơ sở/tháng đối với học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

- Được hưởng 12 tháng/năm (theo thời gian của khóa học).

3. Các khoản hỗ trợ khác

- Hỗ trợ một lần số tiền 1.000.000 đồng/khóa đào tạo để mua đồ dùng cá nhân như: chăn cá nhân, áo ấm (nếu cần), màn cá nhân, chiếu cá nhân, áo đi mưa và quần áo bảo hộ lao động theo nghề đào tạo;

- Hỗ trợ 150.000 đồng đối với học sinh, sinh viên ở lại trường trong dịp tết nguyên đán;

- Mỗi học sinh, sinh viên được hỗ trợ mỗi năm một lần tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại:

- Mức 300.000 đồng/năm đối với học sinh, sinh viên ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Mức 200.000 đồng/năm đối với các đối tượng còn lại.

III. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập

a) Phạm vi, đối tượng áp dụng (theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người)

Áp dụng đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người học tại trường.

b) Mức hỗ trợ và thời gian hưởng

Mức hỗ trợ chi phí học tập hàng tháng bằng 100% mức lương cơ sở và hỗ trợ 12 tháng/năm.

IV. Chế độ trợ cấp xã hội

1. Đối tượng: Áp dụng đối với học sinh dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn tập trung nếu có thời gian cư trú đủ 3 năm tính đến ngày nhập học.

2. Mức trợ cấp

- Mức trợ cấp 140.000 đ/tháng

- Thời gian hưởng: 12 tháng/năm.

V. Chính sách học bổng khuyến khích học tập

1. Điều kiện xét cấp học bổng

- Học sinh, sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí kỳ học.
- Học sinh, sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện cả học kỳ đạt từ loại khá trở lên theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Không xét cấp học bổng đối với học sinh, sinh viên có điểm kiểm tra kết thúc môn, môn học lần 2 trở lên và học sinh, sinh viên bị thi hành kỷ luật bằng văn bản.

2. Mức học bổng

- Loại Khá: Bằng mức trần học phí (thời gian hưởng không quá 10 tháng/năm học).
- Loại Giỏi: Bằng 1.2 lần loại Khá
- Loại Xuất sắc: Bằng 1.4 lần loại Khá.

VI. Chính sách tín dụng học sinh, sinh viên

1. Đối tượng

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.
- Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:
 - + Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.
 - + Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.
 - + Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

2. Mức vay

- Tối đa là 2.500.000 đồng/tháng
- Vay theo thời gian thực học của năm học.

3. Cơ chế tổ chức cho vay

Học sinh, sinh viên có nhu cầu vay vốn, làm đơn, nhà trường xác nhận, ngân hàng chính sách xã hội xét duyệt cho vay.

* Lưu ý:

- Chính sách miễn, giảm học phí theo mục I chỉ áp dụng đối với học sinh, sinh viên học lần đầu, không áp dụng cho học sinh, sinh viên học lần thứ hai trở đi cùng trình độ.
- Học sinh, sinh viên thuộc các đối tượng được hưởng chính sách theo mục II, III, IV cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất và nếu quá trình học tập bị buộc thôi học, khi quay trở

lại học thì không được xét hưởng.

D. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI QUY ĐỊNH TUYỂN SINH NĂM 2021

1. Phương thức tuyển sinh:

Năm 2021, nhà trường tiếp tục xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2021 hoặc xét điểm học bạ lớp 12, xét điểm tốt nghiệp THPT đối với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Xét học bạ lớp 9 đối với các ngành trung cấp còn lại. Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

2. Đối tượng ưu tiên:

Đối tượng ưu tiên là những đối tượng thuộc nhóm ưu tiên sẽ được cộng điểm khi xét tuyển sinh thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH nhóm đối tượng ưu tiên trong xét tuyển được phân chia cụ thể:

2.1. Nhóm ưu tiên 1 (UT1)

Điểm cộng: 2 điểm

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1 quy định.

Cụ thể: Khu vực 1 gồm các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen;

- Đối tượng 03:

Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ

sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng;

- **Đối tượng 04:**

Con liệt sĩ;

Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” mà người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;

Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến;

Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

2.2. Nhóm ưu tiên 2 (UT2)

Điểm cộng: **1 điểm**

- **Đối tượng 05:**

Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay ĐKXT;

- **Đối tượng 06:**

Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Con của người có công giúp đỡ cách mạng;

- Đối tượng 07:

Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;

Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

Lưu ý: Người thuộc nhiều diện ưu tiên theo đối tượng sẽ được hưởng theo một diện ưu tiên cao nhất.

3. Điểm ưu tiên khu vực

3.1. Điểm ưu tiên khu vực xét tuyển nhóm ngành đào tạo giáo viên

- Khu vực 1 (KV1): Cộng ưu tiên 0.75 điểm

KV1 là các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 (KV2): Cộng ưu tiên 0.25 điểm

KV2 là các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT): Cộng ưu tiên 0.5 điểm

KV2-NT gồm các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 3 (KV3): Không được cộng điểm ưu tiên

KV3 là các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

3.2. Điểm ưu tiên khu vực xét tuyển các ngành Giáo dục nghề nghiệp

- Khu vực 1 (KV1): Cộng ưu tiên 1.5 điểm

Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT/THCS hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định hiện hành.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT): Cộng ưu tiên 1.0 điểm

Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2): Cộng ưu tiên 0.5 điểm

Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3): Không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

** Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh*

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 (nửa điểm) đối với thang điểm 10.

4. Quy định điểm sàn với ngành Giáo dục Mầm non

Năm 2021, Nhà trường tự xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, đảm bảo các điều kiện **quy định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào** đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ Cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Học lực xếp loại Khá trở lên của năm lớp 12 hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên mới được xét tuyển và ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy (Đối với phương thức xét học bạ)

Năm nay, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo phương thức xét học bạ vào ngành Giáo dục Mầm non xếp loại học lực của năm lớp 12 đạt từ loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

Một điểm mới nữa là các trường đào tạo nhóm ngành giáo viên có thể mở rộng diện xét tuyển thẳng đối với học sinh đã tốt nghiệp THPT chuyên của các địa phương vào các ngành phù hợp môn học chuyên hoặc môn đạt giải (điều kiện xét tuyển là thí sinh có 3 năm học THPT chuyên của địa phương đạt học sinh giỏi; đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức).

6. Các đối tượng được xét tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào các trường ĐH thể dục, thể thao (TDTT) hoặc các ngành TDTT của các trường theo quy định của từng trường;

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận thì được xét tuyển thẳng vào học các ngành học tương ứng trình độ ĐH theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường;

e) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt

nghiệp THPT, được ưu tiên xét tuyển vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

g) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường đại học, cao đẳng Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT để xem xét, quyết định cho vào học;

i) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do hiệu trưởng các trường quy định;

k) Người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên; người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá có ít nhất 2 (hai) năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại Điều 5 của Quy chế này được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

l) Người đoạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp THPT hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành thì được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải.

7. Đợt tuyển sinh

Năm 2021, Nhà trường thực hiện nhiều đợt tuyển sinh (tuyển sinh liên tục trong năm).

E. THÔNG TIN CỤ THỂ VỀ NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP

1. Ngành Giáo dục Mầm non

Cơ hội việc làm: Nhà trường và Khoa Sư phạm giới thiệu việc làm cho sinh viên tại các trường mầm non công lập và tư thục, các Phòng Giáo dục và Sở GD&ĐT. Sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia thành lập trường tư thục mầm non hoặc làm việc trong các trung tâm bảo trợ xã hội, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan hành chính. Ngoài ra, sinh viên có thể tiếp tục học lên đại học, cao học hoặc bồi dưỡng quản lý giáo dục để làm công tác quản lý.

2. Ngành Kế toán

Cơ hội việc làm: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại cơ quan nhà nước hay các loại hình doanh nghiệp khác nhau ở các lĩnh vực: Sản xuất, thương mại, dịch vụ. Vị trí việc làm phù hợp: Kế toán tổng hợp, Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán, Kế toán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính và các khoản vay, Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng; Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương, Kế toán chi phí và tính giá thành, Kế toán thuế, Nhân viên môi giới chứng khoán, Nhân viên văn phòng giao dịch, Nhân viên thuế, Thủ quỹ,... Có cơ hội phát triển thành Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán, Quản lý tài chính,...

3. Ngành Lâm sinh

Cơ hội việc làm:

- **Trình độ Cao đẳng:** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên cao đẳng lâm sinh có khả năng làm việc tại các Công ty TNHH-MTV nông lâm nghiệp và dịch vụ của tỉnh Kon Tum và các tỉnh thành trong cả nước, các cơ quan quản lý nhà nước về nông lâm nghiệp: Sở Nông nghiệp, Trung tâm khuyến nông -khuyến lâm, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm các Huyện, các Ban quản lý rừng...

+ Có khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp trang trại quy mô vừa và nhỏ... ứng dụng trong khởi nghiệp kinh doanh;

+ Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

- **Trình độ Trung cấp:** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên Trung cấp lâm sinh có khả năng làm việc tại các Công ty TNHH-MTV nông lâm nghiệp và dịch vụ của tỉnh Kon Tum và các tỉnh thành trong cả nước, các cơ quan quản lý nhà nước về nông lâm nghiệp: Sở Nông nghiệp-PTNT, Trung tâm khuyến nông -khuyến lâm, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm các Huyện, các Ban quản lý rừng...

+ Có khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp trang trại quy mô vừa và nhỏ... ứng dụng trong khởi nghiệp kinh doanh;

+ Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập liên

thông lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

4. Ngành Chăn nuôi

Cơ hội việc làm: Làm cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc trong và ngoài nước (Trung tâm giống, Công ty, Doanh nghiệp, Nông trại, Trang trại, Cửa hàng, Đại lý);

- Làm nhân viên kinh doanh, tiếp thị mua bán vật tư phục vụ sản xuất và các sản phẩm của ngành Chăn nuôi-Thú y cho các đơn vị kinh tế;

- Làm việc trong các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi (Trạm khuyến nông; Phòng nông nghiệp; Ban chăn nuôi-Thú y xã, phường, thị trấn; Công ty, Doanh nghiệp...).

5. Ngành Dịch vụ pháp lý

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, có thể đảm nhận các vị trí việc làm liên quan đến pháp luật vốn rất phong phú, đa dạng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, công ty, văn phòng luật sư, tổ chức hành nghề công chứng...

- Ngoài khả năng tìm việc làm, người học còn có thể tự tạo việc làm bằng việc thực hiện các dịch vụ pháp lý, các thủ tục hành chính... cho khách hàng, thông qua các hoạt động tư vấn, môi giới, giải quyết tranh chấp...

- Người học sẽ có kiến thức nền tảng để có thể học liên thông ở các bậc cao hơn trong lĩnh vực chuyên ngành.

6. Ngành Tiếng Anh du lịch

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành tiếng Anh du lịch có thể làm việc ở các nhà hàng, khách sạn, khu resort, khu du lịch, homestay tại vị trí Lễ tân, Hướng dẫn viên du lịch hoặc Marketing du lịch,...

7. Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính

Cơ hội việc làm: Học sinh, sinh viên tốt nghiệp nghề Kỹ thuật sửa chữa và Lắp ráp máy tính có khả năng sửa chữa máy tính để bàn, Laptop thành thạo, lắp ráp, bảo trì, sửa chữa máy tính, hệ thống mạng máy tính trong các tòa nhà, nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp; Nhân viên kỹ thuật trong các cơ sở sản xuất, cửa hàng kinh doanh thiết bị điện tử máy tính; Thi công hệ thống mạng Lan, bảo trì các dịch vụ Internet... Có khả năng tự tổ chức kinh doanh, dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi.

8. Ngành Công tác xã hội

Cơ hội việc làm: Cán bộ, chuyên viên, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội làm việc tại UBND các cấp, Sở, phòng LĐ-TB&XH các huyện, thị, thành phố; trung tâm bảo trợ xã hội; các cơ sở, tổ chức thuộc lĩnh vực an sinh xã hội nhà nước, tư nhân; trường học, bệnh viện, trung tâm y tế; các tổ chức có liên quan như về pháp luật, văn hoá, truyền thông. Tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp thanh niên, công đoàn, mặt trận, hội phụ nữ, hội

nông dân. Cá nhân có thể thành lập các trung tâm công tác xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm giới thiệu việc làm,...

Ngoài ra, nhà trường còn liên kết với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thực tập, nâng cao tay nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

9. Ngành Quản trị văn phòng

Cơ hội việc làm: Cán bộ, nhân viên về quản trị văn phòng, lưu trữ, làm thư ký tổng hợp văn phòng, văn thư, thư viện, bảo tàng, di tích văn hóa, lịch sử, hướng dẫn nghiệp vụ văn phòng, lưu trữ ở các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên, Mặt trận, Hội phụ nữ, Hội nông dân... trường học, bệnh viện, trung tâm y tế; các tổ chức có liên quan về pháp luật, văn hoá, truyền thông. các lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp và đơn vị quản lý lưu trữ chuyên ngành khác,...

Ngoài ra, nhà trường còn liên kết với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thực tập, nâng cao tay nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

10. Ngành Công nghệ ô tô

Cơ hội việc làm: Có thể làm việc được tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp và các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, ở các vị trí: Bảo dưỡng ô tô; sửa chữa động cơ; sửa chữa hệ thống treo, lái, phanh và truyền lực ô tô; sửa chữa điện ô tô; kiểm tra chất lượng sản phẩm; nhân viên tư vấn các trung tâm dịch vụ bán hàng của các hãng ô tô.

11. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Cơ hội việc làm: Có thể tìm việc làm dễ dàng tại các nhà máy, xí nghiệp với mức thu nhập, cao ổn định. Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Hàn Quốc, Đài Loan.

12. Chế tạo thiết bị cơ khí

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc tại các Công ty, Doanh nghiệp chế tạo thiết bị cơ khí. Tự tạo việc làm, tự làm chủ công ty, xưởng sản xuất chế tạo thiết bị cơ khí; Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Hàn Quốc, Đài Loan ...

13. Điều dưỡng

Cơ hội nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc ở các bệnh viện, trung tâm Y tế, phòng khám đa khoa, các cơ quan đơn vị thuộc ngành Y tế khác hoặc các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các dịch vụ thuộc các thành phần y tế... hoặc tham gia xuất khẩu lao động.

14. Dược

Cơ hội nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học sẽ có nhiều cơ hội việc làm tại các công ty dược phẩm trong và ngoài nước, tại nhà thuốc bệnh viện

hoặc các cơ sở tư nhân, tham gia xuất khẩu lao động hoặc làm chủ các cơ sở kinh doanh thuốc: quây thuốc, đại lý thuốc.

15. Ngành Kế toán doanh nghiệp

Cơ hội việc làm: Học sinh ngành kế toán doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc cơ quan nhà nước hay các loại hình doanh nghiệp khác nhau ở các lĩnh vực: Sản xuất, thương mại, dịch vụ. Vị trí việc làm phù hợp: Kế toán tổng hợp, Kế toán các phần hành (Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán; Kế toán tài sản cố định; Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng; Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí tính giá thành); Nhân viên văn phòng giao dịch, Nhân viên thuế, Thủ quỹ,...

16. Ngành Trồng trọt

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp người học có cơ hội làm việc tại:

- Các cơ sở sản xuất và nghiên cứu thực nghiệm về cây lương thực, cây công nghiệp, cây rau quả, cây hoa và cây cảnh.
- Các trung tâm nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, phòng kỹ thuật của các trang trại, các cơ sở sản xuất, kinh doanh - dịch vụ giống cây trồng và thuốc bảo vệ thực vật.
- Có thể học nâng cao trình độ ở các trường cao đẳng, đại học có đào tạo chuyên ngành Trồng trọt, ngành khuyến nông.

17. Ngành Chăn nuôi - Thú y

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp người học có thể trở thành kỹ thuật viên trung cấp chuyên nghiệp về Chăn nuôi và thú y, có thể đảm nhận được nhiệm vụ tại trạm thú y, trang trại chăn nuôi, mạng lưới thú y xã, phường và hỗ trợ các kỹ sư trong lĩnh vực chuyên môn.

- Làm việc tại các công ty liên doanh với nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc, thuốc thú y, thủy sản.
- Làm nhân viên kinh doanh, tiếp thị mua bán vật tư phục vụ sản xuất và các sản phẩm của ngành Chăn nuôi-Thú y cho các đơn vị kinh tế;
- Làm kỹ thuật trại chăn nuôi nhà nước, tư nhân,...

18. Ngành Pháp luật

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, có thể đảm nhận các vị trí việc làm liên quan đến pháp luật vốn rất phong phú, đa dạng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, công ty, văn phòng luật sư, tổ chức hành nghề công chứng...

- Ngoài khả năng tìm việc làm, người học còn có thể tự tạo việc làm bằng việc thực hiện các dịch vụ pháp lý, các thủ tục hành chính ... cho khách hàng, thông qua các hoạt động tư vấn, môi giới, giải quyết tranh chấp...
- Người học sẽ có kiến thức nền tảng để có thể học liên thông ở các bậc

cao hơn trong lĩnh vực chuyên ngành.

19. Ngành hành chính văn phòng

Cơ hội việc làm: Học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ quan Nhà nước như UBND, HĐND cấp tỉnh, huyện, xã, phường, hệ thống trường học các cấp, bưu điện, đơn vị truyền thông, thông tin; thư viện, bảo tàng, di tích văn hóa, lịch sử; tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên, Mặt trận, Hội phụ nữ, Hội nông dân... bệnh viện, trung tâm y tế; các lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp.

20. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Cơ hội việc làm: Học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các công ty, doanh nghiệp về vận hành, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị điện tử, các hệ thống điều khiển bằng điện tử.

- Cán bộ kỹ thuật, cán bộ điều hành tại các trung tâm nghiên cứu phát triển, các khu công nghiệp, nhà máy chế tạo các sản phẩm điện tử.

- Cán bộ kỹ thuật, tư vấn kinh doanh các sản phẩm công nghệ thuộc lĩnh vực điện tử.

- Nhân viên kỹ thuật hoặc tư vấn thiết kế, vận hành, bảo trì mạng lưới điện tại các công ty điện lực, nhà máy điện, trạm biến áp, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, công ty thiết kế vi mạch, công ty điện tử ...

- Quản trị hệ thống điện, điện lạnh tại các doanh nghiệp, trường học, công ty sản xuất và trung tâm thương mại;

- Các công ty thương mại về kinh doanh thiết bị điện, điện tử, điện lạnh.

21. Ngành Chế tạo thiết bị cơ khí

Cơ hội việc làm: Học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các công ty, doanh nghiệp về bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống máy móc cơ khí; Kinh doanh thiết bị, máy móc, vật tư cơ khí;

Tự tạo việc làm, tự làm chủ công ty, xưởng sản xuất chế tạo thiết bị cơ khí; quản lý và tổ chức quá trình sản xuất tại các nhà máy và các công trình; Kiểm tra chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật;

Gia công cơ khí, hàn và gia công kim loại tấm tại các doanh nghiệp.

22. Ngành Điện công nghiệp

Cơ hội việc làm: Nghề điện công nghiệp phổ biến trên cả nước, học sinh sau khi tốt nghiệp có thể tìm việc làm dễ dàng tại các nhà máy, xí nghiệp hoặc có thể tham gia lắp đặt điện dân dụng ... với mức thu nhập cao ổn định. Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Hàn Quốc, Đài Loan.

23. Vận hành điện trong nhà máy thủy điện

Cơ hội việc làm: Là nghề khá phổ biến trên cả nước, học sinh sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các nhà máy thủy điện với mức lương khá hấp dẫn.

24. Cắt gọt kim loại

Cơ hội việc làm: Nhu cầu của thị trường lao động đối với nguồn nhân lực ngành cắt gọt kim loại hiện nay là thường xuyên, ít hạn chế về số lượng vì rất nhiều công ty, doanh nghiệp đang tìm kiếm. Có thể đảm nhiệm những vị trí cao trong công ty, doanh nghiệp.

25. Ngành Hàn

Cơ hội việc làm: Học sinh sau tốt nghiệp có thể kiếm việc làm một cách dễ dàng các Công ty, Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn có nghề Hàn, thu nhập cao, ổn định lâu dài cho cuộc sống. Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Đài Loan, Hàn Quốc ...

26. Ngành May thời trang

Cơ hội việc làm: Có thể làm việc trong các xí nghiệp, công ty may công nghiệp, may thời trang... hoặc tự mở cơ sở kinh doanh riêng.

F. THÔNG TIN TUYỂN DỤNG VÀ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

Nhà trường đã làm việc và ký biên bản ghi nhớ với trên 90 công ty; doanh nghiệp trên địa bàn trong; ngoài tỉnh và hợp tác với các công ty nước ngoài về cung ứng nguồn nhân lực giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi ra trường. Mục tiêu của Nhà trường giới thiệu cho 100% học sinh, sinh viên sau khi ra trường có việc làm đúng nghề đào tạo.

G. PHỐI HỢP ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Nhà trường phối hợp với các trường Đại học uy tín trên cả nước để đào tạo sau Đại học, để đáp ứng nhu cầu học tập của học viên.

Thời gian tuyển sinh: Theo kế hoạch của trường Đại học.

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:

PHÒNG ĐÀO TẠO - TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

Điện thoại: **02603.864.929 - 02603.863.592; Hotline: 0846864929**

Website: <http://ktcc.edu.vn> - Email: tuyensinh@ktcc.edu.vn

Fanpage Facebook: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum